| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NL**<br>**TỈNH TH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2024/DS-ST
Ngày 26/12/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH TH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Lê Xuân Vinh

*Các hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Văn Điểm.

Ba Phạm Thị Diệu.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Trọng Hà là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh TH.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1972. Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: Làng T, xã PT, huyện NL, TH.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Quách Thị H, sinh năm 1971. Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: Làng T, xã PT, huyện NL, TH. (Văn bản ủy quyền ngày 08/10/2024). (Có mặt).

*Bị đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1985. Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: Làng T, xã PT, huyện NL, tỉnh TH. (Có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/9/2024 nguyên đơn trình bày: Trước ngày 09/5/2024 chị Bùi Thị T có cho chị Lê Thị T vay nợ 4 lần Ngày 09/5/2024 chị T và chị T đã tính toán chốt nợ với nhau. Sau khi tính toán chốt nợ, chị Lê Thị T đã viết giấy nhận nợ với chị T số tiền là 41.000.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu đồng) va cam kết sau 10 ngày tức là ngày 19/5/2024 sẽ trả hết nợ cho chị T. Đến hẹn chị T không thực hiện, chị T đã đòi nợ nhiều lần nhưng chị T cứ dây dưa khất lần không trả cho chị T đồng nào. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T phải trả lại số tiền gốc vay còn nợ là 41.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả thời hạn 5 tháng với mức lãi suất 1%, số tiền lãi là 2.050.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi chị T yêu cầu chị T phải trả là 43.050.000 đồng. Quách Thị H đại diện theo ủy quyền của chị T trình bày: Sau khi khởi kiện thì ngày 26/12/2024 chị T đã trả cho chị T số tiền là 21.500.000 đồng. Vì vậy tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu chị T phải trả lại số tiền còn nợ là 21.550.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 26/12/2024 và tại phiên tòa bị đơn là chị Lê Thị T trình bày: Chị công nhận chị có vay tiền của chị T 4 lần, ngày 09/5/2024 chị đã viết giấy nhận nợ, hẹn trả tiền như đơn khởi kiện của chị T là đúng. Ngày 26/12/2024 chị đã trả cho chị T số tiền 21.500.000 đồng. Số tiền còn nợ lại 21.550.000 đông, chị đồng ý trả lại cho Tuyển theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 463, 465, 466, 468 và Điều 357 Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 24, Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Lê Thị T phải trả chi chị Bùi Thị T số tiền còn nợ theo giấy nhận nợ ngày 09/5/2024 là 21.550.000 đồng (Hai mươi mốt triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) và buộc chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và tư cách của các đương sự cũng như trình tự thủ tục giải quyết vụ án của Tòa án là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2]. Quan hệ pháp luật: Chị Bùi Thị T khởi kiện chị Lê Thị T là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự.

[3]. Xét đề nghị của chị Bùi Thị T Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ giấy nhận nợ và lời trình bày của các đương sự đủ cơ sở xác định ngày 09/5/2024 chị Lê Thị T còn nợ chị Bùi Thị T số tiền của 4 lần vay là 41.000.000 đồng, nên việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T phải trả số tiền gốc vay 41.000.000 đồng là có căn cứ. Đối với khoản tiền lãi chị T yêu cầu 1%/tháng là cao hơn so với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên nếu tính số tiền lãi 2.050.000 đồng từ ngày chậm trả 19/5/2024 đến ngày Tòa án xét xử 26/12/2024 tính tròn là 7 tháng thì mức lãi suất là 0,714% thấp hơn mức lãi suất 0,833% quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Mặt khác tại phiên tòa hai bên đều thống nhất số tiền lãi là 2.050.000 đồng, nên số tiền lãi chị T yêu cầu là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận, chị T đã trả cho chị T số tiền 21.500.000 đồng, số tiền còn nợ 21.550.000 đồng, chị T yêu cầu chị T tiếp tục phải trả là có căn cứ, nên buộc chị T phải trả cho chị T số tiền còn nợ theo giấy nhận nợ ngày 09/5/2024 là 21.550.000 đồng (Hai mươi mốt triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng)

[4]. Xét lời trình bày của chị Lê Thị T thấy rằng: Chị T thừa nhận số tiền nợ, số tiền đã trả, tại phiên tòa chị T đồng ý trả số tiền còn nợ 21.550.000 đồng cho chị T, nên buộc chị T phải trả cho chị T 21.550.000 đồng.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

[7]. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí theo quy đinh của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ vào:** Các Điều 26, 35, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 463, 465, 466 và Điều 357 Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 147, Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc chị Lê Thị T phải trả cho chị Bùi Thị T số tiền còn nợ theo giấy nhận nợ ngày 09/5/2024 là 21.550.000 đồng (Hai mươi mốt triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Bùi Thị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng chị Lê Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

*** Về án phí**: Chị Lê Thị T phải chịu án phí sơ thẩm 1.077.000 đồng (Một triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Chị Bùi Thị T không phải chịu án phí. Trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.076.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0004398 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL, tỉnh TH.

*** Về quyền khánh cáo:** Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/12/2024.

Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự;*
*- TAND tỉnh TH;*
*- VKSND huyện NL;*
*- Cơ quan THADS huyện NgọcLặc;*
*- Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Xuân Vinh**